

Câu 1: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 15, cho biết nhận xét nào không đúng về quy mô dân số đô thị của nước ta năm 2007?

- A. Tất cả các vùng đều có ít nhất 01 đô thị quy mô dân số từ 200.001 – 500.000 người.
- B. Các đô thị trong cả nước có quy mô dân số không giống nhau.
- C. Cả nước có 3 đô thị có quy mô dân số trên 1.000.000 người.
- D. Tất cả các vùng đều có ít nhất 01 đô thị quy mô dân số từ 500.001 – 1.000.000 người.

Câu 2: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết đỉnh núi nào sau đây của nước ta có độ cao 2051m?

- A. Kon Ka Kinh.
- B. Vọng Phu.
- C. Phu Hoạt.
- D. Phu Luông.

Câu 3: Cho bảng số liệu sau

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM Ở NƯỚC TA		
Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)
Điện Biên	17,1	26,5
Lạng Sơn	13,3	27,0
Hà Nội	16,4	28,9
Vinh	17,6	29,6
Quy Nhơn	23,0	29,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 – NXB Giáo Dục, Niên giám Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết biên độ nhiệt năm cao nhất thuộc về địa điểm nào sau đây?

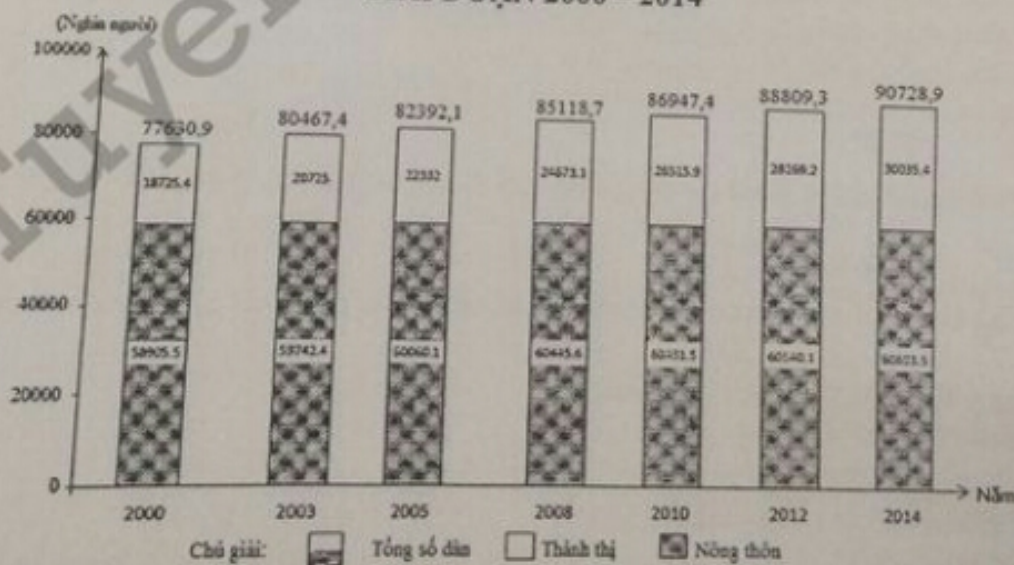
- A. Quy Nhơn.
- B. Hà Nội.
- C. Lạng Sơn.
- D. Điện Biên.

Câu 4: Nguyên nhân nào sau đây làm cho khí hậu nước ta có lượng mưa lớn trong mùa hạ?

- A. Hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc.
- B. Hoạt động của gió mùa mùa hạ.
- C. Gió mùa mùa đông qua biển.
- D. Hoạt động của gió đất – gió biển.

Câu 5: Cho biểu đồ:

QUY MÔ DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2000 – 2014

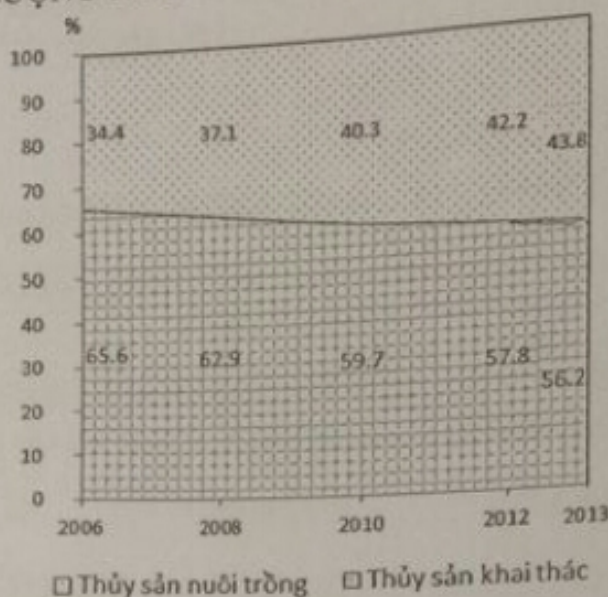


Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Quy mô dân số nước ta tăng liên tục qua các năm.
- B. Tỷ lệ dân thành thị cao hơn so với dân nông thôn.
- C. Tỷ trọng dân số nông thôn nước ta trong tăng liên tục.

D. Dân số nước ta chủ yếu tập trung ở nông thôn.
 Câu 6: Cho biểu đồ

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2006 – 2013



Nhận xét nào sau đây **không** đúng về cơ cấu sản lượng thủy sản của thế giới, giai đoạn 2006 – 2013?

- A. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm liên tục.
- B. Tỷ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng liên tục.
- C. Cơ cấu sản lượng thủy sản của thế giới có sự thay đổi.
- D. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm không liên tục.

Câu 7: Dân cư Hoa Kỳ đang có xu hướng chuyển từ các bang vùng Đông Bắc đến các bang phía Nam do nguyên nhân chủ yếu là

- A. các điều kiện sinh thái ở phía Nam thuận lợi.
- B. sự dịch chuyển của phân bố công nghiệp.
- C. do tâm lý thích di chuyển nơi ở của người dân.
- D. do sức hấp dẫn của nhiều đô thị mới xây dựng.

Câu 8: Có bao nhiêu nhận định sau đây đúng về các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất ở nước ta?

- 1) Làm ruộng bậc thang, đào hồ vẫy cá ở vùng đồi núi.
- 2) Ở đồng bằng cần canh tác hợp lý, chống gây hóa.
- 3) Bảo vệ đất gắn với bảo vệ rừng, giữ nguồn nước ở vùng đồi núi.
- 4) Cải tạo đồi núi trọc bằng các biện pháp nông lâm kết hợp.
- 5) Tăng cường tổ chức định canh, định cư cho đồng bào thiểu số.
- 6) Chống nhiễm mặn, nhiễm phèn đất nông nghiệp ở miền núi.
- 7) Chống ô nhiễm đất do nước thải công nghiệp chứa chất độc hại.

- A. 5. B. 6. C. 4. D. 3.

Câu 9: Do nằm trong khu vực hoạt động của áp thấp nhiệt đới, nên ở Đông Nam Á thường xảy ra thiên tai nào sau đây?

- A. Động đất. B. Bão. C. Núi lửa. D. Sóng thần.

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi của nước ta năm 2007, thứ tự từ nhỏ đến lớn lần lượt là

- A. gia cầm, gia súc, sản phẩm không qua giết thịt.
- B. gia súc, gia cầm, sản phẩm không qua giết thịt.
- C. gia súc, sản phẩm không qua giết thịt, gia cầm.
- D. gia cầm, sản phẩm không qua giết thịt, gia súc.

Câu 11: Các biện pháp phát triển nông nghiệp Trung Quốc chủ yếu nhằm vào việc tạo điều kiện khai thác tiềm năng nào sau đây?

- A. Tài nguyên thiên nhiên và nguồn vốn.
- B. Nguồn vốn và sức lao động của dân cư.
- C. Sức lao động của người dân và thị trường.
- D. Lao động và tài nguyên thiên nhiên.

Câu 12: Tài nguyên dầu khí nước ta đang được khai thác nhiều nhất ở các bể trầm tích nào sau đây?

tiếp có công sự

au 40: Thỏ Chu - Mã Lai, Sông Hồng.

A. C. Nam Côn Sơn, Cửu Long.

B. Sông Hồng, Cửu Long.

D. Thỏ Chu - Mã Lai, Nam Côn Sơn.

Câu 13: Vùng ven biển nước ta không có hệ sinh thái nào sau đây?

A. Hệ sinh thái trên đất phèn.

C. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.

B. Hệ sinh thái rừng trên các đảo.

D. Hệ sinh thái rừng nửa rụng lá.

Câu 14: Cho bảng số liệu:

GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1985	1995	2004	2010	2015
Trung Quốc	239	697,6	1649,3	6040	10 866
Thế giới	12 360	29 357,4	40 887,8	65 648	73 434

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình GDP của Trung Quốc và thế giới qua các năm là

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ tròn.

D. Biểu đồ kết hợp.

Câu 15: Cho bảng số liệu:

GDP, DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2015

(Đơn vị: %)

Chỉ số	GDP (Triệu USD)	Dân số (Triệu người)
Các nước, khu vực		
Hoa Kỳ	18.036.648,0	323,9
Nhật Bản	4.383.076,0	125,3
Trung Quốc	11.007.721,0	1.378
Liên Bang Nga	1.331.208,0	144,3

(Nguồn: <http://www.worldbank.org> - World Development Indicator database)

Nhận xét nào sau đây đúng về GDP và dân số của một số nước trên thế giới năm 2015?

A. Hoa Kỳ có quy mô GDP lớn nhất và tổng dân số lớn gấp 2,85 lần Nhật Bản.

B. So với Nhật Bản, Liên Bang Nga có tổng GDP nhỏ hơn 3,29 lần nhưng dân số đông hơn.

C. Trung Quốc quy mô dân số lớn nhất và tổng GDP lớn hơn Liên Bang Nga 8,62 lần.

D. Quy mô GDP của Hoa Kỳ lớn gấp 1,63 lần và tổng dân số nhỏ hơn 4,25 lần Trung Quốc.

Câu 16: Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hồ-cai-đô là

A. tập trung các ngành công nghiệp rất lớn.

B. kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

C. rừng bao phủ phần lớn diện tích của vùng.

D. diện tích rộng nhất, dân số đông nhất.

Câu 17: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho nguồn nước của nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng?

A. Giao thông vận tải đường thủy phát triển, lượng xăng dầu, chất thải trên sông nhiều.

B. Hầu hết nước thải của công nghiệp và đô thị đổ thẳng ra sông mà chưa qua xử lý.

C. Việc khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa và các sự cố tràn dầu trên biển.

D. Sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp.

Câu 18: Miền Tây Trung Quốc là nơi có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

A. Nhiều đồng bằng châu thổ rộng, đất đai màu mỡ.

B. Nhiều hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn.

C. Có nhiều loại khoáng sản kim loại màu nổi tiếng.

D. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa, ôn đới gió mùa.

Câu 19: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4,5 cho biết, đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Kiên Giang.

B. Quảng Ninh.

C. Nha Trang.

D. Quảng Trị.

Câu 20: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô dưới 9 nghìn tỉ đồng?

A. Quy Nhơn, Huế, Nha Trang,

B. Thái Nguyên, Cẩm Phả, Việt Trì.

C. Thanh Hóa, Vinh, Đà Nẵng.

D. Cà Mau, Sóc Trăng, Long Xuyên.

Câu 21: Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi là

A. có hỗn hợp cả đất phù sa cổ và đất đỏ badan.

B. được nâng cao trong vận động Tân Kiến Tạo.

C. được hình thành do tác động của dòng chảy.

D. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

Câu 22: Nhận định nào sau đây đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

- A. Đang được phục hồi cả về số lượng và chất lượng.
 B. Tổng diện tích đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn suy giảm.
 C. Đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng.
 D. Chất lượng đã được phục hồi nhưng diện tích giảm sút nhanh.

Câu 23: Hệ sinh thái rừng ngập mặn phát triển ở Nam Bộ là do

- A. khí hậu phân mùa mưa – khô rõ rệt. B. có sự di chuyển của các dòng hải lưu.
 C. có vùng biển nông, thềm lục địa mở rộng. D. khí hậu cận xích đạo, đất mặn nhiều.

Câu 24: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ VÀ TÂY NGUYÊN NĂM 2014
 (Đơn vị: %)

Loại đất Vùng	Tổng số	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng	Đất ở
Trung du và miền núi Bắc Bộ	100	19,7	75,2	3,6	1,5
Tây Nguyên	100	39,4	55,3	4,2	1,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây **không đúng** về cơ cấu sử dụng đất của Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên năm 2014?

- A. Đất lâm nghiệp luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sử dụng đất của 2 vùng.
 B. Tỉ trọng đất sản xuất nông nghiệp của Tây Nguyên lớn hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.
 C. Đất ở luôn chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu sử dụng đất của cả 2 vùng.
 D. Tỉ trọng đất chuyên dùng của Tây Nguyên nhỏ hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 25: Đặc điểm nào sau đây đúng về vùng nội thủy nước ta?

- A. Vùng nước tiếp giáp với đất liền phía trong đường cơ sở.
 B. Vùng nước tiếp giáp với đất liền phía ngoài đường cơ sở.
 C. Vùng nước tiếp giáp với đất liền nằm ven biển.
 D. Phần ngầm dưới biển thuộc phần lục địa kéo dài.

Câu 26: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết quốc gia nào sau đây có cơ cấu khách du lịch giảm từ năm 2000 đến năm 2007?

- A. Đài Loan. B. Hoa Kỳ. C. Hàn Quốc. D. Nhật Bản.

Câu 27: Nhận định nào sau đây **không đúng** với ngoại thương của Hoa Kỳ?

- A. Kim ngạch nhập siêu ngày càng tăng. B. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lớn.
 C. Chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP. D. Là nước có kim ngạch xuất siêu rất lớn.

Câu 28: Có bao nhiêu nhận định dưới đây đúng về các biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học ở nước ta?

- Đưa vào "Sách đỏ Việt Nam" những động, thực vật quý hiếm cần bảo vệ.
- Xây dựng hệ thống các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.
- Tăng cường bảo vệ rừng và đẩy mạnh việc trồng rừng.
- Nghiêm cấm việc khai thác rừng, săn bắn động vật.
- Cấm khai thác gỗ quý, nhưng được khai thác gỗ trong rừng non.
- Chống ô nhiễm đất do chất độc hóa học, thuốc trừ sâu.
- Cấm gây độc hại cho môi trường nước ở tất cả các địa phương.

- A. 7. B. 2. C. 6. D. 4.

Câu 29: Tỉ lệ người già trong dân cư Nhật Bản ngày càng lớn đã gây khó khăn chủ yếu nào sau đây đối với quốc gia này?

- A. Thiếu nguồn lao động, phân bố dân cư không hợp lí.
 B. Thu hẹp thị trường tiêu thụ, gia tăng sức ép việc làm.
 C. Thiếu nguồn lao động, chi phí phúc lợi xã hội lớn.
 D. Thu hẹp thị trường tiêu thụ, mở rộng dịch vụ an sinh.

Câu 30: Tại sao gió Tín phong chỉ có tác động rõ rệt ở nước ta vào các thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió?

- A. Hoạt động mạnh mẽ của các khối khí theo mùa.
 B. Địa hình hẹp ngang và bị chia cắt.
 C. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
 D. Gió mùa tây nam hoạt động thường xuyên.

- 31: Cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới được phát triển mạnh ở nhiều nước Đông Nam Á là do các nước có điều kiện thuận lợi nào sau đây?
- A. Đất phù sa diện tích rộng, màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.
 - B. Đất đa dạng, nhiều loại tốt; khí hậu xích đạo và nhiệt đới gió mùa.
 - C. Diện tích đất rộng, cơ cấu đa dạng; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.
 - D. Đất feralit rộng, nhiều loại màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

Câu 32: Nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp lúa nước, đẩy mạnh tăng vụ là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. Khí hậu phân hóa theo độ cao.
- C. Khí hậu có nền nhiệt ẩm cao.
- D. Có diện tích đất feralit rất lớn.

Câu 33: Cho bảng số liệu:

SỐ LAO ĐỘNG VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010-2015

Khu vực	2010		2015	
	Số lao động (nghìn người)	Cơ cấu (%)	Số lao động (nghìn người)	Cơ cấu (%)
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	24279,0	49,5	23259,1	44
Công nghiệp và xây dựng	10300,2	21,0	11780,4	22,3
Dịch vụ	14469,3	29,5	17800,5	33,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu trên, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về số lao động và cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Số lao động tăng, tỉ trọng tăng đối với ngành công nghiệp và xây dựng.
- B. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lao động tăng, tỉ trọng giảm.
- C. Số lao động ngành dịch vụ tăng, tỉ trọng lao động ngành này cũng tăng.
- D. Ngành công nghiệp và xây dựng có số lao động, tỉ trọng lao động nhỏ nhất.

Câu 34: Vị trí tiếp giáp biển Đông rộng lớn đã mang lại cho nước ta thuận lợi nào sau đây về tự nhiên?

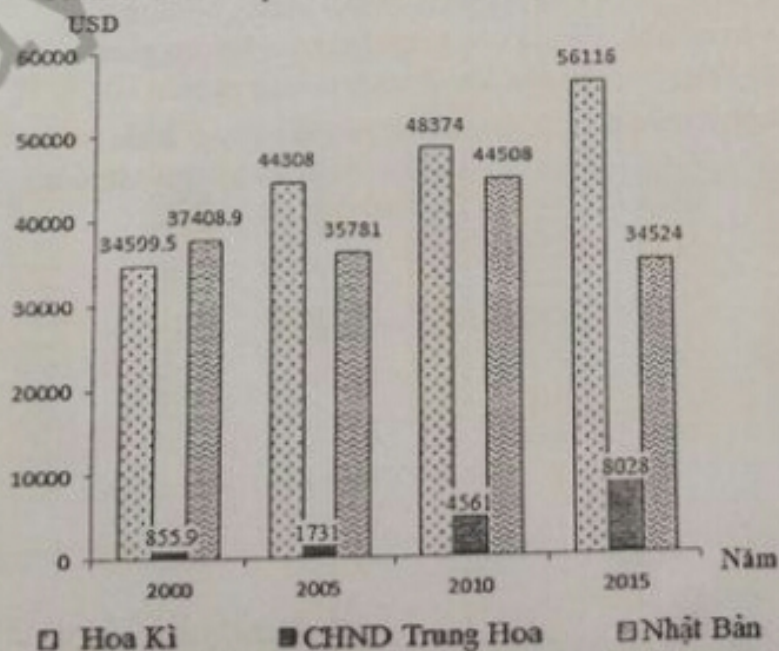
- A. Thiên nhiên xanh tốt, giàu sức sống.
- B. Khí hậu có 2 mùa mưa, khô rõ rệt.
- C. Tài nguyên đất phong phú, đa dạng.
- D. Nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng.

Câu 35: Nguyên nhân nào sau đây làm cho việc thông thương qua lại giữa nước ta với các nước láng giềng chỉ có thể tiến hành thuận lợi ở một số cửa khẩu?

- A. Phần lớn biên giới nước ta nằm ở miền núi.
- B. Phần lớn biên giới chạy theo các đỉnh núi, hẻm núi.
- C. Thuận tiện cho việc đảm bảo an ninh quốc gia.
- D. Là nơi có địa hình thuận lợi cho qua lại.

Câu 36: Cho biểu đồ:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC



(Nguồn: <http://www.worldbank.org> - World Development Indicator database)

Cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo giá hiện hành của một số nước trong giai đoạn 2000 - 2015?

- A. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc thấp nhất và tăng liên tục.
- B. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Hoa Kỳ cao nhất và tăng nhanh nhất.
- C. Nhật Bản là quốc gia có tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người giảm liên tục.
- D. Trung Quốc có tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người thấp nhất và tăng nhanh nhất.

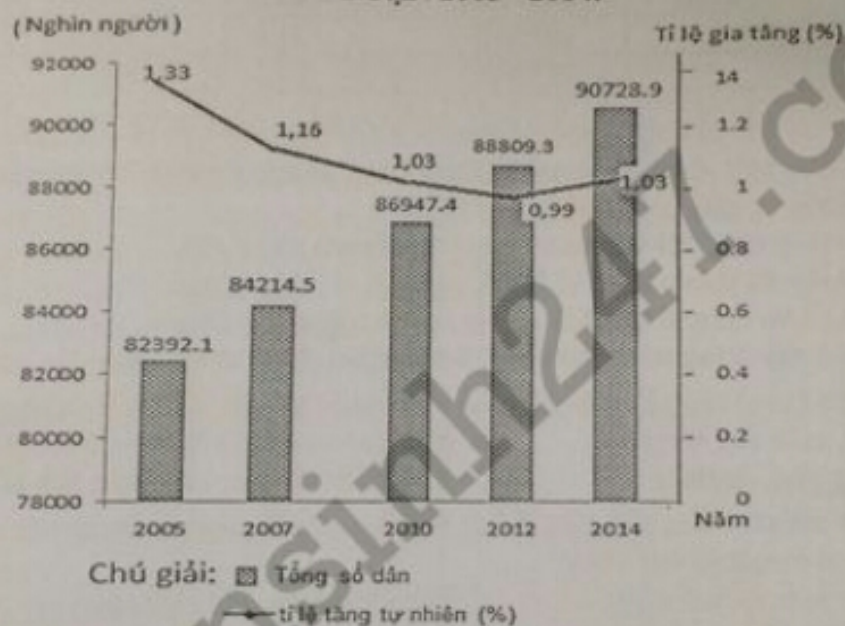
Câu 37: Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu đời sống con người.
- B. Phòng và khắc phục sự suy giảm môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.
- C. Đảm bảo việc bảo vệ tài nguyên môi trường đi đôi với sự phát triển bền vững.
- D. Cân bằng giữa phát triển dân số với khả năng sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên.

Câu 38: Khí hậu đại cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Không có tháng nào trên 20°C
- B. Lượng mưa giảm khi lên cao
- C. Không có tháng nào trên 25°C
- D. Độ ẩm giảm nhiều so với chân núi

Câu 39: Cho biểu đồ: DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 - 2014.



Hãy cho biết, nhận xét nào sau đây đúng với tình hình dân số và tỉ lệ gia tăng dân số nước ta trong giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Tỉ lệ tăng tự nhiên giảm 3%, tổng dân số cả nước tăng 8,46 triệu người.
- B. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm liên tục, quy mô dân số không ổn định.
- C. Tổng dân số tăng liên tục trong khi tỉ lệ gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm.
- D. Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta tăng nhanh.

Câu 40: Pơ mu là loài thực vật phát triển ở vành đai khí hậu nào sau đây ở nước ta?

- A. Ôn đới gió mùa trên núi.
- B. Cận nhiệt đới gió mùa trên núi.
- C. Cận xích đạo gió mùa.
- D. Nhiệt đới gió mùa.

----- HẾT -----

Đáp án đề thi thử THPTQG môn Địa năm 2018 - THPT Chuyên Bắc Ninh lần 2

TuyenSinh247.com

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2018 – MÔN ĐỊA LÍ – THPT CHUYÊN BẮC NINH

Mã đề: 103

ĐÁP ÁN

Thực hiện: Ban chuyên môn Tuyensinh247

1	D	11	D	21	D	31	B
2	B	12	C	22	B	32	C
3	C	13	D	23	D	33	B
4	B	14	B	24	D	34	A
5	D	15	B	25	A	35	C
6	D	16	C	26	A	36	A
7	B	17	B	27	D	37	C
8	A	18	B	28	B	38	C
9	B	19	A	29	C	39	C
10	D	20	B	30	A	40	A

Để xem lời giải chi tiết môn Địa của trường THPT Chuyên Bắc Ninh và các trường THPT khác trên cả nước học sinh [click vào đây](#)

Theo TTHN

CHỈ CÒN
1 NGÀY

➤ ĐẶT CHỖ ◀

CÁC KHÓA LUYỆN THI THPT QG 2019

HẾT GIẢM GIÁ 30%

Xem ngay!

X